

**MÔ HÌNH TÍCH HỢP NỀN TẢNG DỮ LIỆU QUỐC GIA VÀ
PHẢN HỒI CHÍNH SÁCH THỜI GIAN THỰC ĐỂ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TẠI VIỆT NAM
SAU NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW VÀ 68-NQ/TW**

Đặng Quang Trung^{1*}

¹*Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*

* *Email: quang.trung1@samsung.com*

Ngày nhận bài: 11/06/2025

Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 26/06/2025

Ngày chấp nhận đăng: 03/07/2025

TÓM TẮT

Bài báo đề xuất mô hình tích hợp giữa nền tảng dữ liệu quốc gia và cơ chế phản hồi chính sách thời gian thực (gọi tắt là DPI–RTPF) nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (KNST) tại Việt Nam trong bối cảnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ-TW. Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết quản trị chính sách dữ liệu và phân tích các mô hình quốc tế thành công như Singapore, Estonia, Anh, bài viết xác lập khung mô hình gồm bốn lớp chức năng: thu thập và tích hợp dữ liệu KNST, phân tích phản hồi thời gian thực bằng trí tuệ nhân tạo, hiển thị thông tin đa tác nhân qua dashboard và điều chỉnh chính sách theo chu kỳ ngắn hạn. Thông qua phân tích thực trạng ở Việt Nam, bài báo chỉ ra các khoảng trống lớn về thể chế pháp lý, năng lực công nghệ và cơ chế phối hợp liên ngành, từ đó, đề xuất điều kiện thực thi mô hình DPI–RTPF theo hướng thí điểm tại các địa phương có hệ sinh thái KNST phát triển, từng bước hoàn thiện khung pháp lý, hạ tầng dữ liệu và thiết chế điều phối chính sách. Mô hình không chỉ góp phần khắc phục độ trễ và tính một chiều trong thực thi chính sách hiện nay mà còn tạo nền tảng cho phương thức quản trị đổi mới sáng tạo theo hướng dữ liệu dẫn dắt, minh bạch và thích ứng trong kỉ nguyên chuyển đổi số.

***Từ khóa:** khởi nghiệp sáng tạo, nền tảng dữ liệu quốc gia, phản hồi chính sách thời gian thực, thực thi chính sách.*

**AN INTEGRATED MODEL OF NATIONAL DATA PLATFORM AND
REAL-TIME POLICY FEEDBACK TO ENHANCE THE EFFECTIVENESS
OF INNOVATIVE STARTUP SUPPORT IN VIETNAM
AFTER RESOLUTION NO. 57-NQ/TW AND 68-NQ/TW**

ABSTRACT

This paper proposes an integrated model that combines the National Data Platform with a real-time policy feedback mechanism (referred to as DPI–RTPF) to improve the effectiveness of innovation and startup (I&S) policy implementation in the context of Vietnam’s enactment of Resolution No. 57-NQ/TW and Resolution No. 68-NQ/TW. Drawing on data governance theories and lessons from successful international cases such as Singapore, Estonia, and the United Kingdom, the paper outlines a four-layer functional framework: collection and integration of I&S data; real-time feedback analysis using AI; multi-stakeholder information visualization via dashboards; and short-cycle policy adjustments. Based on an analysis of the current situation in Vietnam, the study identifies significant gaps in legal institutions, technological capacity, and cross-sectoral coordination in order to propose the phased implementation of the DPI–RTPF model, beginning

with pilot programs in localities with advanced I&S ecosystems, followed by the gradual completion of the legal framework, data infrastructure, and policy coordination mechanisms. The proposed model not only addresses delays and one-way flows in current policy execution but also establishes the foundation for a data-driven, transparent, and adaptive innovation governance approach in the digital transformation era.

Keywords: *innovative Startups, National Data Platform, policy implementation, Real-time Policy Feedback.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỉ nguyên dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI), năng lực khai thác dòng dữ liệu theo thời gian thực (real-time data) đang tái định nghĩa cách thức Chính phủ hoạch định, điều chỉnh và đánh giá hiệu quả chính sách công. Các nghiên cứu gần đây cho thấy hệ thống phản hồi chính sách dựa trên dữ liệu tức thời đã giúp rút ngắn chu trình ra quyết định, giảm độ trễ thông tin cũng như gia tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của khu vực công. Tại Việt Nam, hành lang thể chế dành cho đổi mới sáng tạo đã có bước ngoặt lớn khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển khu vực kinh tế tư nhân, với trọng tâm là doanh nghiệp KNST. Mặc dù định hướng chiến lược đã rõ nhưng quá trình thực thi còn đối mặt ba điểm nghẽn chính, đó là: phân mảnh dữ liệu, chu trình phản hồi chậm và thiếu nền tảng dữ liệu quốc gia chuyên biệt.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích chính sách và tổng hợp mô hình quốc tế nhằm đề xuất một khung mô hình tích hợp nền tảng dữ liệu quốc gia và cơ chế phản hồi chính sách thời gian thực phù hợp với bối cảnh hỗ trợ KNST tại Việt Nam.

Bài viết cũng sử dụng phương pháp phân tích tài liệu đối với hệ thống văn bản pháp luật và chính sách hiện hành, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW cùng các tài liệu chiến lược của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức quốc tế như OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế), UNDP (Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc), World Bank (Ngân hàng

Thế giới). Phân tích này giúp xác định khoảng trống chính sách và những điểm nghẽn trong thực thi hỗ trợ KNST.

Phương pháp phân tích chính sách được sử dụng nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của các công cụ hỗ trợ hiện có đối với nhu cầu của hệ sinh thái KNST, đồng thời làm rõ vai trò của dữ liệu và phản hồi thời gian thực trong chu trình điều chỉnh chính sách. Kỹ thuật phân tích tổng hợp được vận dụng để tích hợp các kết quả nghiên cứu và xây dựng đề xuất chính sách mang tính thực thi cao, có khả năng triển khai trong điều kiện thể chế và năng lực số của Việt Nam hiện tại.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khoảng trống trong quản trị dữ liệu và phản hồi chính sách tại Việt Nam

Thứ nhất, hệ thống dữ liệu liên quan đến KNST tại Việt Nam hiện đang trong tình trạng phân tán, thiếu liên thông và chưa được chuẩn hóa về nội dung, cấu trúc cũng như cơ chế khai thác. Mặc dù Chính phủ đã xác định dữ liệu là một loại tài nguyên chiến lược mới và là nền tảng trọng yếu để phát triển kinh tế số và xã hội số trong các văn kiện chỉ đạo gần đây, song thực tiễn cho thấy năng lực tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế (Thu Giang, 2025). Về mặt lý thuyết, *quản trị dữ liệu* trong bối cảnh KNST đề cập đến quá trình thu thập, lưu trữ, quản lí và phân tích dữ liệu liên quan đến các doanh nghiệp khởi nghiệp nhằm hỗ trợ việc hoạch định và điều chỉnh chính sách một cách hiệu quả. Trong khi đó thực trạng của Việt Nam hiện nay lại là *phân mảnh*.

Sự phân mảnh trong thu thập và lưu trữ dữ liệu giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các Sở ban ngành ở địa phương đã tạo ra tình trạng “cục bộ hóa dữ liệu” – nơi mỗi

đơn vị chủ quản chỉ quản lý một phần thông tin mà không có cơ chế kết nối tổng thể. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả của công tác phân tích chính sách mà còn dẫn đến sự thiếu nhất quán trong các chỉ số đánh giá và theo dõi quá trình triển khai chính sách hỗ trợ KNST.

Tình trạng này đặc biệt đáng lo ngại trong bối cảnh KNST là lĩnh vực có tốc độ thay đổi nhanh đòi hỏi hệ thống dữ liệu phải đảm bảo tính cập nhật, toàn diện và khả năng phản hồi theo thời gian thực. Việc thiếu một nền tảng dữ liệu thống nhất, tích hợp xuyên ngành và có khả năng khai thác theo hướng “dữ liệu mở định hướng chính sách” đã khiến cho hoạt động hoạch định và điều chỉnh chính sách rơi vào thế bị động, thậm chí rủi ro điều chỉnh chính sách dựa trên dữ liệu lỗi thời hoặc không đầy đủ. Do đó, có thể khẳng định rằng, việc xây dựng một kiến trúc dữ liệu KNST thống nhất, kết nối được các cơ sở dữ liệu ngành và địa phương và đảm bảo tương thích với hạ tầng dữ liệu quốc gia là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa mô hình phản hồi chính sách thời gian thực cũng như nâng cao chất lượng quản trị hệ sinh thái KNST tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Thứ hai, cơ chế phản hồi chính sách từ cộng đồng KNST tại Việt Nam hiện vẫn ở mức sơ khai, thiếu tính hệ thống và chưa được thể chế hóa đầy đủ trong các quy trình quản trị chính sách. Trên lý thuyết, phản hồi chính sách là một thành phần không thể thiếu trong chu trình chính sách hiện đại nơi mà người thụ hưởng chính sách không chỉ là đối tượng tiếp nhận thụ động mà còn là chủ thể phản biện và định hình quá trình điều chỉnh chính sách. Ở Việt Nam, chức năng này vẫn chủ yếu dựa vào các kênh truyền thống mang tính thủ công như hội nghị, hội thảo, phiếu khảo sát định kỳ hoặc phản ánh qua đầu mối hành chính.

Mặc dù Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (Quốc hội, 2025) đã bước đầu khẳng định tầm quan trọng của việc thiết lập

các kênh phản hồi chính sách từ khu vực tư nhân và yêu cầu các bộ, ngành xây dựng hệ thống tiếp nhận và xử lý kiến nghị trực tuyến nhưng quá trình triển khai còn chậm và thiếu đồng bộ. Hiện Việt Nam không có nền tảng kỹ thuật đủ mạnh để tiếp nhận phản ánh theo thời gian thực cũng như thiếu quy trình chuẩn để đo lường, phân loại, đánh giá và phản hồi kiến nghị từ cộng đồng startup một cách minh bạch. Thay vì có một cổng tích hợp duy nhất, đa tác nhân và kết nối liên ngành thì hiện nay việc phản ánh chính sách từ cộng đồng startup vẫn phụ thuộc vào các hình thức truyền thống như gửi văn bản giấy, tham dự hội thảo hoặc phản ánh qua hệ thống thư điện tử không đồng bộ. Cách làm này không chỉ gây ra độ trễ trong việc ghi nhận thông tin mà còn làm mất đi cơ hội phát hiện sớm các điểm nghẽn chính sách vốn là rất cần được xử lý kịp thời trong môi trường đổi mới sáng tạo, biến động nhanh và phi tuyến tính. Có đến 64,7% startup cho biết họ “không biết phản ánh vướng mắc đi đâu” và chỉ 11,3% đánh giá cơ chế phản hồi chính sách hiện tại là “nhanh và rõ ràng” (MOSTI, 2025). Điều này phản ánh sự thiếu vắng của một cơ chế kỹ thuật và hành chính minh bạch đồng thời cho thấy quy trình xử lý kiến nghị chưa có tính chuẩn hóa: không có tiêu chí đánh giá mức độ ưu tiên, không có công cụ phân tích dữ liệu định tính từ văn bản phản ánh và đặc biệt thiếu cơ chế theo dõi (tracking) để biết kiến nghị đã được chuyển tới đâu, xử lý ở bước nào và phản hồi ra sao.

Trong khi các quốc gia như Singapore triển khai nền tảng phản hồi thời gian thực như “Feedback Unit” dưới sự điều phối của GovTech cho phép bất kỳ startup hay người dân nào truy cập dashboard¹, gửi kiến nghị, theo dõi trạng thái xử lý và được phân loại theo lĩnh vực thì tại Việt Nam vẫn thiếu vắng hệ thống như vậy (GovTech Singapore, 2024). Việc thiếu một “data feedback loop”² khiến cơ quan hoạch định chính sách bị “mù dữ liệu đầu vào”, khó có khả năng điều chỉnh chính sách theo tinh thần thích ứng và có trách nhiệm giải trình.

¹ Dashboard (hệ thống hiển thị dữ liệu) là một giao diện trực quan tổng hợp các chỉ số hiệu suất chính (KPIs), dữ liệu, số liệu thống kê và biểu đồ từ nhiều nguồn khác nhau.

² Data feedback loop (vòng lặp phản hồi) là quá trình thu thập, phân tích và phản hồi dữ liệu liên tục nhằm cải thiện hiệu suất và quy trình trong tổ chức một cách không ngừng nghỉ.

Về mặt kỹ thuật, hiện chưa có cơ quan nào ở Việt Nam xây dựng một hệ thống phân tích dữ liệu phản ánh có tích hợp AI để phân loại tự động, xác định chủ đề nổi bật (topic modeling) hay đo lường mức độ khẩn cấp của từng phản ánh. Điều này hoàn toàn trái ngược với khuyến nghị của OECD (2024) về việc ứng dụng AI trong hệ thống phản hồi chính sách công để gia tăng tốc độ phản ứng và mức độ phù hợp của các biện pháp can thiệp. Việc thiếu nền tảng kỹ thuật và quy trình chuẩn trong phản hồi chính sách không chỉ làm suy giảm hiệu quả điều hành mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của cộng đồng KNST đối với vai trò của Nhà nước như một đối tác đồng kiến tạo (co-creator) trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Mỗi quan hệ giữa cơ quan hoạch định chính sách và đối tượng thụ hưởng vẫn mang tính một chiều, phản ánh sự bất cân xứng thông tin nghiêm trọng. Các vấn đề phát sinh từ thực tiễn như rào cản pháp lý, thiếu tiếp cận vốn, cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ,... dù được cộng đồng startup nhiều lần đề cập song thường rơi vào trạng thái “phản hồi không hồi đáp” tức không có cơ chế bắt buộc các cơ quan quản lý phản ứng chính sách kịp thời và có trách nhiệm giải trình.

Trong bối cảnh KNST là lĩnh vực cần được điều tiết linh hoạt theo hướng “sandbox” (mô hình thử nghiệm chính sách) và thích ứng nhanh thì việc thiếu vắng một hệ thống phản hồi chính sách số hóa, tích hợp và có cơ chế ra quyết định dựa trên dữ liệu là một khiếm khuyết lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và tốc độ phản ứng của hệ thống chính sách đối với nhu cầu thực tiễn.

Thứ ba, mặc dù việc triển khai Trung tâm Dữ liệu Quốc gia (NDC) được kỳ vọng sẽ đóng vai trò then chốt trong việc tích hợp và quản lý dữ liệu quốc gia nhưng hiện tại vẫn tồn tại nhiều thách thức về hạ tầng kỹ thuật, thể chế và năng lực vận hành. Theo kế hoạch thì NDC sẽ chính thức đi vào hoạt động vào ngày 19/8/2025 với mục tiêu trở thành nền tảng trung tâm cho việc lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp (Vietnam News, 2025). Tuy nhiên, việc thiếu một khung pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ về quản trị dữ liệu đang cản trở hiệu quả hoạt động của NDC. Mặc dù Luật Dữ liệu năm 2024

đã được ban hành nhưng các hướng dẫn chi tiết về việc triển khai, bảo mật và chia sẻ dữ liệu vẫn đang trong quá trình xây dựng (Hogan Lovells, 2025). Điều này dẫn đến sự không rõ ràng trong việc xác định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý và đơn vị vận hành cũng như gây khó khăn trong việc đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu về khả năng xử lý và lưu trữ dữ liệu lớn, đặc biệt trong bối cảnh số lượng dữ liệu ngày càng tăng. Việc thiếu các tiêu chuẩn kỹ thuật chung và cơ sở hạ tầng đồng bộ giữa các bộ, ngành và địa phương khiến cho việc tích hợp dữ liệu trở nên phức tạp và kém hiệu quả (KPMG Vietnam, 2025). Ngoài ra, vấn đề về nhân lực cũng là một thách thức lớn. Việc thiếu hụt đội ngũ chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực quản trị dữ liệu và an ninh mạng đang ảnh hưởng đến khả năng vận hành và bảo trì NDC một cách hiệu quả và an toàn (Tilleke & Gibbins, 2025). Như vậy, để NDC thực sự phát huy vai trò trung tâm trong việc hỗ trợ KNST và chuyển đổi số quốc gia thì cần có những giải pháp đồng bộ cả về pháp lý, kỹ thuật và nhân lực. Việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật hiện đại và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là những yếu tố then chốt để đảm bảo thành công của NDC trong tương lai.

3.2. Đặc điểm của các mô hình quốc tế thành công

Nghiên cứu ba quốc gia gồm Singapore, Estonia và Vương quốc Anh cho thấy những mô hình tiên tiến trong việc tích hợp dữ liệu quốc gia và phản hồi chính sách thời gian thực để hỗ trợ KNST. Các mô hình này có một số đặc điểm chung như: thu thập và xử lý dữ liệu theo thời gian thực, hiển thị dữ liệu tùy biến qua dashboard, rút ngắn quá trình hoạch định chính sách thông qua cơ chế “policy sprint” và cơ chế quản lý trung ương linh hoạt cho phép tích hợp mở hoặc đóng tùy theo nhóm chủ thể.

3.2.1. Singapore

Singapore có hệ sinh thái dữ liệu mạnh mẽ như nền tảng Whole-of-Government Application Analytics (WOGAA) giúp cung cấp phân tích hiệu suất dịch vụ công theo thời gian thực giúp các cơ quan điều chỉnh chính sách trên cơ sở dữ liệu phản hồi từ người dân và doanh nghiệp

(GovTech Singapore, 2025). Đồng thời, Singapore triển khai Startup SG Network là một nền tảng tích hợp thông tin về các chương trình tài trợ, kết nối nhà đầu tư, chuyên gia cố vấn và đặc biệt là phản hồi trực tiếp từ startup về mức độ hiệu quả của chính sách. Đây là công cụ quan trọng giúp Chính phủ thiết kế lại chính sách theo hướng “co-creation” đồng kiến tạo cùng hệ sinh thái (Startup SG Network, 2025).

3.2.2. Estonia

Tại Estonia, nền tảng X-Road đóng vai trò là “xương sống số” của hạ tầng dữ liệu quốc gia, cho phép các cơ quan và tổ chức tư nhân chia sẻ dữ liệu một cách an toàn, phi tập trung và minh bạch (Nortal, 2025). Theo nguyên tắc “once-only” người dân chỉ cần khai báo một lần và dữ liệu được liên thông xuyên suốt toàn hệ thống. Điều này giúp giảm chi phí giao dịch hành chính, tăng tốc độ phản hồi và đặc biệt phù hợp với nhu cầu của các startup vốn cần dịch vụ công nhanh, linh hoạt và dữ liệu mở.

3.2.3. Vương quốc Anh

Chính phủ Anh thành lập Policy Lab là một đơn vị chuyên phân tích hành vi công chúng và thiết kế chính sách bằng dữ liệu. Đơn vị này sử dụng công cụ khoa học dữ liệu để thu thập và phân tích phản hồi từ người dân, từ đó phát hiện xu hướng chính sách cần điều chỉnh một cách kịp thời (Open Policy Blog UK, 2019). Ngoài ra, cơ chế “policy sprint” tức là một vòng đời chính sách ngắn gọn có khả năng điều chỉnh trong 4 đến 6 tuần được áp dụng để giảm độ trễ của chính sách, đồng thời tạo cơ chế thử nghiệm linh hoạt trước khi áp dụng trên diện rộng (UK Government, 2016).

3.3. Đề xuất mô hình DPI–RTPF cho Việt Nam

3.3.1. Cấu trúc chức năng của mô hình DPI–RTPF

Đây là kiến trúc tích hợp gồm bốn lớp chức năng logic, vận hành theo nguyên tắc dữ liệu dẫn dắt chính sách và phản hồi theo thời gian thực. Cách tiếp cận phân lớp này nhằm đảm bảo tính hệ thống, minh bạch và khả năng tùy biến theo từng nhóm chủ thể trong hệ sinh thái KNST.

– *Lớp đầu tiên là nền tảng dữ liệu quốc gia về KNST* đóng vai trò là trung tâm lưu trữ, tích hợp và chuẩn hóa thông tin từ các nguồn khác

n nhau như doanh nghiệp khởi nghiệp, vườn ươm, tổ chức hỗ trợ, nhà đầu tư thiên thần và cơ quan nhà nước. Dữ liệu được khai thác từ nhiều kênh bao gồm đăng ký doanh nghiệp, hệ thống hành chính công, nền tảng tài trợ khởi nghiệp và các chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương. Việc thiết lập một kho dữ liệu đồng bộ, có khả năng chia sẻ theo thời gian thực giữa các bộ, ngành và địa phương là điều kiện tiên quyết cho lớp chức năng tiếp theo vận hành hiệu quả.

– *Lớp thứ hai là hệ thống phân tích phản hồi chính sách thời gian thực, sử dụng công nghệ AI và học máy (machine learning)* để tự động phân tích nội dung phản ánh từ cộng đồng startup. Phản hồi này có thể đến từ dashboard phản ánh, mạng xã hội, ứng dụng chuyên biệt hoặc từ các khảo sát định kì. Mô hình học máy được huấn luyện để phân loại chủ đề, đánh giá mức độ khẩn cấp, nhận diện xu hướng bất thường trong hệ sinh thái từ đó chuyển thông tin có giá trị cao đến lớp điều hành chính sách. Lớp này đóng vai trò là “bộ não” của hệ thống, biến dữ liệu thô thành thông tin chiến lược phục vụ điều chỉnh chính sách. Việc tích hợp AI vào quy trình chính sách ngày càng được quốc tế công nhận như một yếu tố nâng cao tính thích ứng và hiệu quả ra quyết định trong môi trường bất định, phức tạp và động lực cao (Margetts & Dorobantu, 2023).

– *Lớp thứ ba là hệ thống hiển thị dữ liệu (dashboard) đa tác nhân* được thiết kế với giao diện riêng biệt cho từng nhóm người dùng bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức trung gian và nhà đầu tư. Mỗi dashboard cung cấp các chỉ số phù hợp với nhu cầu và quyền truy cập dữ liệu của từng chủ thể đồng thời cho phép theo dõi tiến độ xử lý phản ánh, đo lường hiệu quả chính sách theo khu vực hoặc lĩnh vực. Dashboard hiện nay đã trở thành công cụ chủ yếu trong các hệ thống quản trị hiện đại nhờ khả năng trực quan hóa dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực (Janssen và cs., 2024).

– *Lớp cuối cùng là cơ chế điều chỉnh chính sách ngắn hạn (policy sprint)* hoạt động theo chu kì 4 đến 6 tuần. Căn cứ trên kết quả phân tích từ lớp AI, các cơ quan quản lý có thể tiến hành cập nhật nội dung chính sách, sửa đổi quy trình hỗ trợ hoặc thử nghiệm một số giải

pháp mới trong phạm vi hạn chế (sandbox). Cách tiếp cận theo sprint policy không chỉ rút ngắn độ trễ phản ứng chính sách mà còn khuyến khích tinh thần thử nghiệm – học hỏi – điều chỉnh liên tục vốn rất phù hợp với lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số (OECD, 2024).

Tổng thể bốn lớp chức năng này tạo thành một chu trình phản hồi chính sách dữ liệu hóa trong đó dữ liệu không chỉ được thu thập để thống kê mà còn được “kích hoạt” nhằm điều phối quá trình hoạch định, triển khai và điều chỉnh chính sách theo hướng thích ứng và đồng kiến tạo. Việc tổ chức theo cấu trúc lớp chức năng đảm bảo tính mở rộng, tính module hóa cũng như khả năng nội địa hóa theo điều kiện hạ tầng, thể chế và nguồn lực tại Việt Nam hiện nay.

3.3.2. Đặc điểm nổi bật của mô hình DPI–RTPF

Mô hình DPI–RTPF không đơn thuần là một giải pháp công nghệ – hành chính mà còn là một kiến trúc chính sách được thiết kế nhằm tăng cường tính thích ứng, minh bạch và đồng kiến tạo trong quản trị hệ sinh thái KNST. Dưới đây là bốn đặc điểm nổi bật làm nên giá trị và tính khả thi của mô hình này trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển đổi mạnh mẽ sang nền quản trị dữ liệu số.

Thứ nhất, mô hình hướng đến sự tích hợp xuyên ngành và liên cấp, vượt qua giới hạn phân tán dữ liệu truyền thống. Thay vì tồn tại các kho dữ liệu rời rạc tại từng bộ, ngành hoặc địa phương, nền tảng DPI tạo ra một hệ sinh thái dữ liệu thống nhất, nơi các dữ liệu có liên quan đến KNST bao gồm hồ sơ doanh nghiệp, chương trình hỗ trợ, kết quả ươm tạo, chỉ số đổi mới sáng tạo,... được tập hợp, liên thông và chuẩn hóa theo một kiến trúc dữ liệu chung. Cơ chế liên thông này không chỉ hỗ trợ chia sẻ thông tin hiệu quả giữa trung ương và địa phương mà còn giúp giảm thiểu gánh nặng báo cáo và tăng độ chính xác trong đánh giá chính sách.

Thứ hai, mô hình sử dụng AI và học máy để xử lý phản hồi chính sách theo thời gian thực giúp khắc phục hạn chế cố hữu của cơ chế tiếp nhận – tổng hợp – phân tích kiến nghị vốn rất thủ công và bị động. Việc ứng dụng

thuật toán học sâu (deep learning) và xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) cho phép tự động phân tích nội dung phản ánh, phân loại vấn đề theo lĩnh vực (ví dụ: thuế, đất đai, đầu tư, sở hữu trí tuệ,...) và đánh giá mức độ cấp bách của từng phản ánh. Thông tin này giúp cơ quan chức năng không chỉ phát hiện điểm nghẽn kịp thời mà còn định hướng ưu tiên điều chỉnh chính sách theo cách dữ liệu dẫn dắt thay vì phản ứng tình huống đơn lẻ.

Thứ ba, dashboard hiển thị dữ liệu được thiết kế theo hướng cá nhân hóa và phân quyền cho phép mỗi nhóm chủ thể trong hệ sinh thái (cơ quan nhà nước, startup, tổ chức trung gian, nhà đầu tư) tiếp cận dữ liệu phù hợp với vai trò, nhu cầu và năng lực sử dụng thông tin của mình. Dashboard không chỉ cung cấp thông tin về trạng thái xử lý phản ánh mà còn hiển thị các chỉ số đánh giá hiệu quả chính sách theo vùng địa lý, lĩnh vực ngành nghề hoặc mức độ tiếp cận chương trình hỗ trợ. Điều này giúp tăng cường minh bạch, giảm bất đối xứng thông tin và thúc đẩy sự tham gia chủ động hơn từ các bên liên quan.

Thứ tư, mô hình vận hành trên cơ sở chu kỳ chính sách ngắn hạn theo phương pháp policy sprint giúp rút ngắn đáng kể độ trễ giữa phản ánh thực tiễn và phản ứng chính sách. Thay vì chờ đợi các báo cáo tổng kết 6 tháng hoặc hàng năm, các cơ quan quản lý có thể điều chỉnh chính sách, quy trình hỗ trợ hoặc nội dung triển khai trong vòng 4 đến 6 tuần dựa trên dữ liệu đã phân tích. Cơ chế này tương đồng với mô hình quản trị linh hoạt (“agile governance”) đang được triển khai tại nhiều quốc gia phát triển cho phép thử nghiệm chính sách ở quy mô hạn chế trước khi áp dụng rộng rãi, từ đó tăng khả năng thích ứng và giảm rủi ro thể chế.

Tổng hợp bốn đặc điểm này có thể khẳng định rằng mô hình DPI–RTPF không chỉ tạo ra một hạ tầng dữ liệu phục vụ hỗ trợ khởi nghiệp, mà còn thiết lập một chu trình phản hồi – học hỏi – điều chỉnh chính sách khép kín, linh hoạt và hướng đến hiệu quả thực chất. Đây là điều kiện cần thiết để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia đổi mới sáng tạo dẫn đầu khu vực vào năm 2045 theo định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3.3.3. Đề xuất các điều kiện thực thi tại Việt Nam

Mặc dù mô hình DPI–RTPF thể hiện tính khả thi cao về mặt kỹ thuật và tổ chức nhưng để đảm bảo hiệu quả vận hành trong thực tiễn tại Việt Nam, cần hội tụ đủ một số điều kiện căn bản về thể chế, pháp lý, kỹ thuật và nguồn lực triển khai.

Thứ nhất, về thể chế pháp lý, cần có khuôn khổ quy định rõ ràng về chia sẻ, quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ hoạch định và phản hồi chính sách hỗ trợ KNST. Hiện nay, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Dữ liệu năm 2025 đã bước đầu thiết lập khung pháp lý cho hạ tầng số quốc gia nhưng chưa có các điều khoản chuyên biệt dành cho tích hợp dữ liệu khởi nghiệp, phân quyền truy cập và cơ chế phản hồi theo thời gian thực. Việc bổ sung quy định này vào Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giúp xác lập trách nhiệm cập nhật dữ liệu và nghĩa vụ phản hồi của cơ quan nhà nước theo chuẩn mực minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thứ hai, về hạ tầng kỹ thuật và công nghệ, Việt Nam cần đầu tư đồng bộ vào nền tảng số chuyên biệt phục vụ điều phối chính sách khởi nghiệp có khả năng liên thông với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các kho dữ liệu ngành. Hạ tầng này cần đảm bảo các tiêu chí về khả năng mở rộng (scalability), tương tác thời gian thực và độ tin cậy hệ thống (resilience), phù hợp với thông lệ quốc tế về kiến trúc dữ liệu phục vụ quản trị công hiện đại (Janssen, 2025). Ngoài ra, công cụ phân tích dữ liệu phản hồi dựa trên AI, học máy và phân tích ngữ nghĩa (semantic analytics) cần được tích hợp để hỗ trợ phát hiện xu hướng chính sách một cách kịp thời (OECD, 2025).

Thứ ba, về cơ chế điều phối, cần thành lập tổ công tác liên ngành với thành phần gồm các bộ chủ chốt như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ và đại diện cộng đồng khởi nghiệp. Tổ công tác này sẽ chịu trách nhiệm thiết kế kiến trúc nền tảng, xây dựng chuẩn dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin và vận hành quy trình phản hồi chính sách số hóa. Cơ chế liên ngành cần được thể chế hóa kèm theo năng lực ra quyết định linh hoạt theo mô hình “governance sandbox” vốn đã được khuyến nghị trong các nghiên cứu gần đây về quản trị chính sách thời gian thực và đổi mới thể chế trong bối cảnh số hóa (Mazzucato & Kattel, 2025).

Thứ tư, về chiến lược triển khai, nên ưu tiên áp dụng mô hình thí điểm tại các địa phương có hệ sinh thái KNST phát triển như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Cách tiếp cận này phù hợp với khuyến nghị của OECD và World Bank về thử nghiệm chính sách, công nghệ và cơ chế thể chế trong một không gian kiểm soát rủi ro để tăng tốc học hỏi và điều chỉnh theo phản hồi từ thực tiễn.

Tóm lại, điều kiện thực thi mô hình DPI–RTPF tại Việt Nam không chỉ nằm ở năng lực công nghệ mà phụ thuộc chủ yếu vào sự sẵn sàng về thể chế, cấu trúc phối hợp liên ngành và cách tiếp cận chính sách thích ứng. Khi hội đủ các yếu tố đó mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả hỗ trợ KNST mà còn đặt nền móng cho một hình thái quản trị chính sách dựa trên dữ liệu, phản hồi và đồng kiến tạo giữa Nhà nước và hệ sinh thái đổi mới.

4. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh Việt Nam chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ KNST là một trụ cột quan trọng. Mô hình DPI–RTPF với cấu trúc bốn lớp chức năng tích hợp có tiềm năng tạo ra một bước đột phá trong quản trị chính sách theo hướng dữ liệu dẫn dắt và phản hồi nhanh. Để hiện thực hóa mô hình này, Nhà nước cần tập trung vào bốn nhóm hành động: (i) hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu và phản hồi chính sách; (ii) đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng kỹ thuật đồng bộ; (iii) thể chế hóa cơ chế điều phối liên ngành; và (iv) triển khai thí điểm theo vùng/khu vực nhằm đánh giá tính khả thi. Nếu được triển khai bài bản, mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả hỗ trợ KNST mà còn có thể mở rộng sang các lĩnh vực chính sách công khác như giáo dục, y tế và chuyển đổi số nông thôn.

Bài viết đóng góp vào nền tảng lý luận và thực tiễn cho quản trị chính sách khởi nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn thực thi Nghị quyết 57-NQ/TW và NQ 68-NQ/TW. Trong tương lai, các nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả mô hình DPI–RTPF ở quy mô địa phương hoặc ngành dọc cụ thể sẽ là hướng phát triển cần thiết để làm rõ hơn tính hiệu lực, tính chi phí – hiệu quả và mức độ thích nghi chính sách trong điều kiện chuyển đổi số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- GovTech Singapore (2025). *Whole-of-Government Application Analytics (WOGAA)*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://www.tech.gov.sg/our-digital-government-efforts/ai-and-data-driven-government/>
- GovTech Singapore. (2024). *Public Feedback Management and Digital Engagement: Annual Report 2023/2024*.
- Hogan Lovells. (2025). *Vietnam's new Law on Data*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://www.hoganlovells.com/en/publications/vietnams-new-law-on-data>
- Janssen, M., Wimmer, M., & Deljoo, A. (2024). *Policy Practice and Digital Science: Integrating Complex Systems, Social Simulation and Public Administration in Policy Research*. Switzerland: Springer International Publishing.
- Janssen, M., Chun, S. A., & Gil-Garcia, J. R. (2025). Kiến trúc dữ liệu và hạ tầng cho chính phủ thông minh: Tổng quan và hướng nghiên cứu. *Government Information Quarterly*, 42(2), 101700.
- KPMG Vietnam. (2025). *Guide to Vietnam's data center regulations*. Truy cập ngày 08/6/2025, <https://kpmg.com/vn/en/home/insights/2025/03/guide-to-vietnam-data-center-regulations.html>
- Margetts, H., & Dorobantu, C. (2023). *Artificial Intelligence and Public Policy: Understanding the Algorithmic State*. London: Oxford University Press.
- Mazzucato, M., & Kattel, R. (2025). Đổi mới quản trị và các tổ chức công định hướng sứ mệnh. *Industrial and Corporate Change*, 34(1), 120–135.
- Nortal. (2025). *Why digital sovereignty matters and how X-Road makes it happen*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://nortal.com/insights/why-digital-sovereignty-matters-and-how-x-road-makes-it-happen>
- OECD. (2024). *Policy Sprints for Agile Governance: Guidelines and Case Studies from Digital Governments*. OECD Digital Governance Working Paper Series, No. 45.
- OECD. (2025). *Sử dụng Trí tuệ nhân tạo trong khu vực công: Hướng tiếp cận lấy con người làm trung tâm*. OECD Digital Government Studies.
- OECD. (2024). *The Data-Driven Public Sector: Enabling Real-Time Feedback for Better Policymaking*. Paris: OECD Publishing. DOI: <https://doi.org/10.1787/9789264725863-en>
- Open Policy Blog UK. (2019). *Policy Consultations – Part 2: A role for data science?*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://openpolicy.blog.gov.uk/2019/10/28/lab-long-read-policy-consultations-part-2-role-of-data-science/>
- Quốc hội. (2025). *Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân*.
- Startup SG Network (2025). *Connecting the Startup Ecosystem*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://www.startupsg.gov.sg/>
- Tilleke & Gibbins. (2025). *Vietnam's national digital transformation: key legal developments to expect in 2025*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://www.tilleke.com/insights/vietnams-national-digital-transformation-key-legal-developments-to-expect-in-2025>
- Thu Giang. (2025). *Lưu trữ, quản trị dữ liệu theo chuẩn mực quốc tế*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://baochinhphu.vn/luu-tru-quan-tri-du-lieu-theo-chuan-muc-quoc-te-102250605133956394.htm>
- UK Government. (2016). *Open Policy Making toolkit*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://www.gov.uk/guidance/open-policy-making-toolkit/getting-started-with-open-policy-making>
- Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN (MOSTI). (2025). *Báo cáo đánh giá nhu cầu phân hồi chính sách của doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam năm 2024–2025*. Hà Nội: MOSTI Publishing.
- Vietnam News. (2025). *National Data Centre set to launch on August 19*. Truy cập ngày 08/6/2025, từ <https://vietnamnews.vn/economy/1695785/national-data-centre-set-to-launch-on-august-19.html>